ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 84 /2016/QĐ-UBND	*Lào Cai, ngày 26 tháng 8 năm 2016*

SỞ TƯ PHÁP TỈNH LÀO CAI
ĐẾN Số: 3590
Ngày: 31/8/2016
Chuyển: QLXD-Lưu P. Long
Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định Chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016 - 2020

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Công Thương - Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của HĐND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016 - 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 187/TTr-SCT ngày 10/8/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định Chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016 - 2020".

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 06/9/2016 và thay thế Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 01/8/2014 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Quy định chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh Lào Cai./.

Nơi nhận:
- Bộ Công Thương (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài Chính (Vụ Pháp chế);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 2;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Báo Lào Cai, Đài PT-TH tỉnh;
- Công báo Lào Cai;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, TH, KT.

TM.UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đặng Xuân Phong

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 84 /2016/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 của UBND tỉnh Lào Cai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định nội dung các chính sách khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp (sau đây gọi chung là hoạt động khuyến công).

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai; bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn);

b) Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn;

c) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 2. Danh mục ngành, nghề được hưởng chính sách và điều kiện hưởng hỗ trợ kinh phí khuyến công

1. Danh mục ngành, nghề được hưởng chính sách khuyến công

a) Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm;

b) Sản xuất hàng công nghiệp tiêu dùng và xuất khẩu, hàng thay thế hàng nhập khẩu;

c) Công nghiệp hóa chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Sản xuất vật liệu xây dựng;

d) Sản xuất sản phẩm, phụ tùng; lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử - tin học. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và công nghiệp hỗ trợ;

đ) Sản xuất hàng tiểu thủ công nghiệp;

e) Khai thác, chế biến khoáng sản tại những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;

g) Áp dụng sản xuất sạch hơn trong các cơ sở công nghiệp; xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

2. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công

a) Tổ chức, cá nhân để được hưởng hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia phải đảm bảo các điều kiện do Bộ Công Thương quy định;

b) Tổ chức, cá nhân để được hưởng hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Đề án, dự án khuyến công phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tỉnh Lào Cai;

- Ngành, nghề phù hợp với danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công và nội dung đề nghị hỗ trợ phù hợp với nội dung chi hoạt động khuyến công;

- Nhiệm vụ, đề án, dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt (sau khi trừ số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ);

- Có cam kết chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của nhà nước cho cùng một nội dung chi được kinh phí khuyến công hỗ trợ;

- Có đủ hồ sơ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương II

NỘI DUNG CHÍNH SÁCH

Điều 3. Nội dung chi và mức chi hoạt động khuyến công

1. Chi đào tạo nghề, truyền nghề ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động. Mức chi theo quy định hiện hành về đào tạo nghề ngắn hạn.

2. Chi hỗ trợ hoạt động tư vấn, tập huấn, đào tạo, hội thảo, diễn đàn; tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong nước, ngoài nước để nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp; chi hỗ trợ đào tạo khởi sự doanh nghiệp; chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn; chi hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm công nghiệp nông thôn.

a) Mức hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm nước ngoài là 100% chi phí vé máy bay. Số người được hỗ trợ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

b) Mức hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy

định của pháp luật, bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh khả thi; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp.

3. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn:

a) Mức hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% nhưng không quá 400 triệu đồng/mô hình;

b) Mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị, chuyển giao công nghệ tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 150 triệu đồng/cơ sở;

c) Mức hỗ trợ đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức cá nhân khác học tập; bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá 80 triệu đồng/mô hình.

4. Chi tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; chi tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ; chi hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm; chi hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu; chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm (tại các Trung tâm Khuyến công cấp vùng, cấp tỉnh và cơ sở công nghiệp nông thôn) và các hoạt động xúc tiến thương mại khác:

a) Tổ chức bình chọn và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh:

- Mức chi cho tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/lần đối với cấp huyện và 100 triệu đồng/lần đối với cấp tỉnh.

- Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn: Đạt giải cấp huyện được thưởng không quá 02 triệu đồng/sản phẩm; đạt giải cấp tỉnh được thưởng không quá 05 triệu đồng/sản phẩm.

b) Mức hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước, bao gồm: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước. Mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng.

c) Mức hỗ trợ tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của khu vực Việt Nam (bao gồm cả gian hàng quốc gia nếu có); chi phí tổ chức khai mạc nếu là hội chợ triển lãm riêng của Việt Nam (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng, thông tin tuyên truyền); chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (thuê hội trường, thiết bị, trang trí, khánh tiết); chi phí cho cán bộ tổ chức chương trình. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Mức hỗ trợ xây dựng và đăng ký thương hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/thương hiệu.

5. Chi tư vấn: Lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thành lập doanh nghiệp; liên doanh; liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới; hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính - tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

6. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

7. Chi hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường:

a) Chi hỗ trợ để thành lập hội, hiệp hội ngành nghề cấp tỉnh. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí thành lập, nhưng không quá 50 triệu đồng/hội;

b) Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 100 triệu đồng/cụm liên kết;

c) Chi hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp (hỗ trợ sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn đã hoàn thành việc đầu tư): Mức hỗ trợ tối đa 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, máy móc thiết bị trong 02 năm đầu nhưng không quá 400 triệu đồng/cơ sở. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước hoặc trong hạn, không áp dụng đối với các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Với mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

d) Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở;

đ) Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết; chi hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; chi tổ chức hội nghị, hội thảo và diễn đàn để thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp:

- Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 400 triệu đồng/cụm công nghiệp;

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; bao gồm: San lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 2.000 triệu đồng/cụm công nghiệp;

- Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 1.000 triệu đồng/ cụm công nghiệp.

8. Chi hợp tác quốc tế về khuyến công: Xây dựng các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế về hoạt động khuyến công và sản xuất sạch hơn; trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam thông qua hội nghị, hội thảo và diễn đàn; đào tạo nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công theo các chương trình hợp tác quốc tế và các chương trình, đề án học tập khảo sát ngoài nước. Mức chi theo chương trình, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Chi nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công

a) Chi nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho các Trung tâm Khuyến công cấp vùng và cấp tỉnh; chi thù lao cho cộng tác viên để duy trì mạng lưới cộng tác viên khuyến công. Mức chi theo đề án, dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác (nếu có). Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi tối đa 2,5% dự toán đề án khuyến công để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

10. Ngoài các nội dung chi và mức chi trên theo khung quy định của Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/2/2014 của Bộ Công Thương và Bộ Tài chính, tỉnh Lào Cai quy định thêm nội dung chi và mức chi sau:

a) Hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO; hệ thống quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn GMP và HACCP, mức hỗ trợ 50% chi phí thực hiện và không vượt quá 50 triệu đồng/cơ sở;

b) Hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất công nghiệp di chuyển vào trong các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch (bao gồm: kinh phí tháo lắp thiết bị, vận chuyển). Mức hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không vượt quá 20 triệu đồng/cơ sở.

Điều 4. Nguồn kinh phí đảm bảo

1. Nguồn vốn khuyến công bao gồm ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí khuyến công hàng năm do ngân sách cấp theo kế hoạch nếu chưa sử dụng hết sẽ được chuyển sử dụng trong năm tiếp theo.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Công Thương là cơ quan giúp ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tại địa phương, cụ thể:

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Giúp ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, sửa đổi và ban hành chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác khuyến công phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện địa phương;

- Xây dựng Chương trình khuyến công địa phương theo từng giai đoạn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Tham mưu giúp ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch, và thẩm định cấp cơ sở các đề án khuyến công thực hiện bằng nguồn kinh phí khuyến công quốc gia triển khai tại địa phương gửi Cục Công nghiệp địa phương (để tổng hợp trình Bộ Công Thương phê duyệt) và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Hàng năm, căn cứ vào số kiểm tra về dự toán chi ngân sách nhà nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo; căn cứ vào chương trình khuyến công địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt và mức chi tại Quy định này; cùng với kết quả thẩm định kế hoạch đăng kí sử dụng kinh phí khuyến công của các huyện, thành phố và các đơn vị; Sở Công Thương tổng hợp, lập dự toán kinh phí khuyến công địa phương để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước của Sở Công Thương, gửi Sở Tài chính tổng hợp trình ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định hiện hành;

c) Căn cứ dự toán được giao, Sở Công Thương thực hiện phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình khuyến công địa phương chi tiết theo đơn vị và nội dung chi, mức chi quy định tại Điều 3 Quy định này gửi Sở Tài chính thẩm định và

làm căn cứ giao dự toán cho các đơn vị thực hiện đảm bảo nguyên tắc xét ưu tiên theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 46/2012/TT-BCT;

d) Chủ trì quản lý, kiểm tra, theo dõi và định kỳ báo cáo ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công thương về tình hình hoạt động khuyến công trên địa bàn .

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì phối hợp với Sở Công Thương và các ngành có liên quan hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trình tự, thủ tục từ khâu xây dựng, đăng ký kế hoạch đến khâu thanh quyết toán kinh phí khuyến công hàng năm;

b) Thẩm định dự toán ngân sách nhà nước của Sở Công Thương để tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương trình UBND tỉnh theo quy định hiện hành;

c) Chủ trì thẩm định quyết toán năm cho các đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí khuyến công địa phương. Trình tự lập, mẫu biểu báo cáo, thời gian nộp và xét duyệt báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành;

d) Phối hợp với Sở Công Thương quản lý tốt nguồn vốn khuyến công.

3. Kho bạc Nhà nước

a) Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hướng dẫn các đơn vị thực hiện rút dự toán;

b) Thực hiện kiểm soát, thanh toán cho từng nhiệm vụ, theo hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước của Bộ Tài chính; chế độ chi tiêu hiện hành và các quy định tại Quy định này. Riêng mức tạm ứng cho các đề án, nhiệm vụ khuyến công không quá 70% tổng kinh phí khuyến công hỗ trợ trên cơ sở hợp đồng thực hiện.

4. UBND các huyện, thành phố

a) Phối hợp với Sở Công Thương triển khai tốt chính sách khuyến công trên địa bàn;

b) Xây dựng và đăng ký kinh phí khuyến công cấp huyện gửi Sở Công Thương tổng hợp đưa vào dự toán ngân sách nhà nước theo quy định.

5. Các Sở, ban, ngành có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ tăng cường phối hợp triển khai Quy định này nhằm hỗ trợ và thúc đẩy sản xuất công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh phát triển.

6. Các tổ chức, cá nhân thụ hưởng nguồn vốn khuyến công

a) Thực hiện đúng nội dung đề án được phê duyệt, sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích và chấp hành nghiêm các quy định về tài chính, kế toán.

b) Định kỳ báo cáo tiến độ triển khai thực hiện đề án khuyến công; tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện đề án khuyến công.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy định này được xét khen thưởng theo quy định. Các tổ chức, cá nhân vi phạm tùy tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung gửi UBND tỉnh (qua Sở Công Thương) để kịp thời xem xét giải quyết./.

TM.UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đặng Xuân Phong